

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 22-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hảo

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Ngô Anh Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 08 tháng 9 năm: 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã Tr, huyện V, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Thợ uốn tóc; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1947 (đã chết) và bà Phạm Thị C1, sinh năm: 1947; có chồng là ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1975 (đã ly hôn) và có 02 người con; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Về nhân thân: Chưa có ghi nhận về các vi phạm khác; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/02/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1979 (có mặt);

Trú tại: Ấp R, xã Tr, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Cáo trạng số 10/CT-VKSVH ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, với hành vi được tóm tắt như sau:

Ngày 16/02/2023 tại nhà chị Nguyễn Thị Thúy H thuộc ấp R, xã Tr, huyện V, tỉnh Long An có tổ chức tiệc giỗ nên mời họ hàng, bạn bè và bị cáo Nguyễn Thị Đ đến dự. Khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày, Đ đi vệ sinh thì nhìn thấy 01 điện thoại di động Apple Iphone 12 Promax để trên bàn nhỏ gần bộ ghế sofa nên lén lút lấy bỏ vào túi quần rồi ra bàn tiệc ngồi uống rượu, bia khoảng 10 phút sau thì bị cáo Đ đi về nhà tại ấp G, xã Tr, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Chị H phát hiện mất điện thoại, điện cho bị cáo Đ hỏi thì bị cáo Đ trả lời không lấy nên chị H đã đến công an xã Tr trình báo sự việc. Sau khi nghe chị H gọi điện, bị cáo Đ sợ bị phát hiện nên đã tháo thẻ sim trong điện thoại vừa trộm được vứt bỏ. Công an xã Tr đã mời bị cáo Đ về trụ sở làm việc và bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời cơ quan công an đã thu giữ được chiếc điện thoại mà bị cáo lấy trộm của chị H.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 21/02/2023 của Hội đồng định giá tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Hưng kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 12 Promax, số sê ri G0NFQFGD0D42 tại thời điểm định giá ngày 16/02/2023 có giá mua vào là 14.600.000 đồng, giá bán ra là 16.100.000 đồng.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- Ý kiến của bị cáo: Bị cáo thống nhất hành vi phạm tội như Viện kiểm sát đã truy tố trong cáo trạng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một mình, không bị ai xúi giục và cũng không nói cho ai biết. Trong quá trình điều tra, truy tố và đến khi xét xử bị cáo đều tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình.

- Ý kiến của bị hại chị H: Bị cáo Đ có lấy trộm của bà điện thoại như Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã nêu trong cáo trạng, cụ thể là điện thoại Apple Iphone 12 Promax mua năm 2022 với giá 32.000.000 đồng, nay chị đã được nhận lại điện thoại, đổi với thẻ sim mà bị cáo vứt bỏ thì chị đã đăng ký lại nên không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự; chị và bị cáo là bạn thân nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Thực hiện quyền được nói lời sau cùng bị cáo nói: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cảm ơn bị hại đã tha thứ cho hành vi sai trái của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Thị Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo. Trong lúc dự đám tiệc tại nhà bà H, khi đi vệ sinh bị cáo Đ quan sát thấy điện thoại trên bàn không có người quản lý nên đã lấy điện thoại cho vào túi quần và ra về. Tài sản mà bị cáo đã trộm cắp có giá trị là 14.600.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 21/02/2023 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự huyện Vĩnh Hưng). Hành vi của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về năng lực trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi lấy trộm điện thoại của bà H. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đây là một trong những quyền được Nhà nước ghi nhận và bảo vệ; Đồng thời làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, hành vi của bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi vi phạm của mình nhằm giáo dục ý thức tuân theo pháp luật và thể hiện tính răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự được xem xét áp dụng đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có cha dượng là ông Lê Văn M1 được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Huân chương hạn ba trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi hai con trong độ tuổi đi học, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Như vậy, bị cáo Đ có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, mức xử phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là tù không quá 03 năm, bị cáo có nhân thân tốt; Đồng thời, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình điều tra truy tố và xét xử bị cáo nhận thức

được hành vi vi phạm của mình và tích cực hợp tác trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, nghiêm chỉnh chấp hành các quyết định, giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng; Xét thấy, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương, bị cáo có khả năng tự cải tạo, sửa chữa những sai lầm của mình để trở thành công dân tốt. Vì vậy, bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho hưởng án treo để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, lần đầu thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo chưa thu lợi từ hành vi phạm tội của mình, điện thoại đã giao trả ngay cho bị hại nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định Cáo trạng số 10/CT-VKSVH ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: Điện thoại di động thu giữ trong quá trình điều tra vụ án thì Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng đã xử lý với hình thức giao trả cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí: Bị cáo Đ thuộc hộ cận nghèo nên theo quy định tại điều 12, 14, 15 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các điều 12, 14, 15 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, được tính từ ngày tuyên án là ngày 22/3/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ cho UBND xã Tr, huyện V, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu

người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Đ được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Đ, bị hại bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND, CCTHADS, Công an/H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu